

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **348/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 14-12-2020
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Biên Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên
tòa:** Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2020 tại Hội trường 7 - Tòa án nhân dân thành
phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình
thụ lý số: 1554/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc
“Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2020/QĐXX-ST
ngày 30/10/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 367/2020/QĐST-HNGĐ ngày
24/11/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Vũ Kiều S, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 374D, tổ 38, khu phố 4, phường B, thành phố B, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Duy H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 69/342, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Kiều S trình

bày:

Bà và ông Phạm Duy H kết hôn vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển số 01/2014, ngày 06/9/2014. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không hòa hợp dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà và ông H tìm cách hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng kết quả không thành. Bà và ông H đã ly thân từ năm 2018 đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên bà xin ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Duy H1, sinh ngày 22/8/2016 và Phạm Hoàng Duy H2, sinh ngày 19/3/2018. Hiện 02 cháu H1 và H2 đang ở với bà. Ly hôn, bà yêu cầu được nuôi hai cháu và tạm thời không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên bà S đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Phạm Duy H đã được Tòa án xác minh địa chỉ cư trú tại Công an phường T, thành phố Biên Hòa ngày 17/8/2020, theo nội dung văn bản xác minh thì ông H có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú, sinh sống tại địa chỉ: 69/342, khu phố 1, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông H vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền;

xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Vũ Kiều S đối với ông Phạm Duy H: về quan hệ hôn nhân cho bà S được ly hôn với ông H; về con chung: bà S và ông H có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Duy H1, sinh ngày 22/8/2016 và Phạm Hoàng Duy H2, sinh ngày 19/3/2018. Hiện 02 cháu H1 và H2 đang ở với bà S, bà S có công việc ổn định, có thu nhập. Do đó yêu cầu của Bà S được nuôi hai cháu H1, H2 là phù hợp nên đề nghị chấp nhận, tạm thời ông H không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: do bà S khai không có, ông H không có lời khai nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp

Bà Nguyễn Vũ Kiều S khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Phạm Duy H. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà S là nguyên đơn, ông H là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Duy H cư trú, sinh sống tại phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Kiều S có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Phạm Duy H, Tòa án xác minh địa chỉ cư trú của ông H tại Công an phường T, thành phố Biên Hòa, theo nội dung văn bản xác minh thì ông H có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú, sinh sống tại địa chỉ: 69/342, khu phố 1, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H theo đúng quy định của Bộ luật

Tổ tụng dân sự (ông Phạm Quốc Hùng là cha ruột của ông H nhận thay, cam kết giao lại cho ông H). Tuy nhiên, ông H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà S, ông H theo quy định của pháp luật.

[4]. Về nội dung tranh chấp

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Vũ Kiều S và ông Phạm Duy H chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển số 01/2014, ngày 06/9/2014. Theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân của bà S và ông H là hợp pháp.

Xét thấy, bà S xác định vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống và tính cách không hòa hợp dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà và ông H đã tìm cách hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng kết quả không thành. Đến thời điểm Bà S khởi kiện, vợ chồng đã ly thân được 02 năm.

Theo biên bản xác minh ngày 17/8/2020 (có xác nhận của chính quyền địa phương), ông Phạm Quốc Hùng là cha ruột của ông Phạm Duy H cung cấp: Trong quá trình chung sống, bà S và ông H thường xuyên gây gổ, cãi vã với nhau về chuyện tiền bạc, tài chính. Hiện bà S và ông H đã sống ly thân được hơn 01 năm, bà S về nhà cha mẹ sống ở phường B, còn ông H sống cùng ông. Các cháu Phạm Nguyễn Duy H1, sinh ngày 22/8/2016 và Phạm Hoàng Duy H2, sinh ngày 19/3/2018 là con chung của bà S, ông H hiện đang sống cùng bà S tại phường B.

Đối với ông H, theo kết quả xác minh tại Công an phường T ngày 17/8/2020, xác định hiện nay ông H vẫn cư trú, sinh sống tại địa phương, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật (các văn bản đều được ông Phạm Quốc Hùng là cha ruột của ông H nhận thay, cam kết giao lại cho ông H) nhưng ông H vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và phiên tòa là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, từ đó cho thấy ông H có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân của hai người, không có ý định hòa giải, đoàn tụ. Như vậy, cuộc sống hôn nhân của bà S và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của bà S là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Bà Nguyễn Vũ Kiều S và ông Phạm Duy H có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Duy H1, sinh ngày 22/8/2016 và Phạm Hoàng Duy H2, sinh ngày 19/3/2018. Bà Sương yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu H1, H2; tạm thời không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, 02 cháu Phạm Nguyễn Duy H1 và Phạm Hoàng Duy H2 còn nhỏ, hiện đang ở với bà S, bà S có công việc ổn định, có thu nhập. Do đó yêu cầu của Bà S được nuôi hai cháu H1, H2 là phù hợp nên chấp nhận, giao 02 cháu Phạm Nguyễn Duy H1 và Phạm Hoàng Duy H2 cho bà Sương trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông H không cấp dưỡng nuôi con.

[4.3] Về tài sản chung: Bà S khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4.4] Về nợ chung: Bà S xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Kiều S phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 68, Khoản 4 Điều 147, 220, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 57, 59, 60 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Kiều S đối với ông Phạm Duy H về việc “Ly hôn, nuôi con chung”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Vũ Kiều S được ly hôn ông Phạm Duy H.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Nguyễn Duy H1, sinh ngày 22/8/2016 và Phạm Hoàng Duy H2, sinh ngày 19/3/2018 cho bà Nguyễn Vũ Kiều S trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời ông Phạm Duy H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con

chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Vũ Kiều S khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Vũ Kiều S khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Vũ Kiều S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009591 ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà S đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân Phường T,
TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phú